TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **132**/2023/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 20 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tiến hành hoà giải để các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 1178/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", giữa các đương sự sau:

- Người yêu cầu: Ông **Phan Anh T**, sinh năm 1967

Địa chỉ: 69/4 Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người yêu cầu: Bà **Nguyễn Thị Kim T1**, sinh năm 1981

Địa chỉ: 69/4 Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2004, quyển số 01/P9 do Ủy ban nhân dân Phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 4 năm 2004 thì bà Nguyễn Thị Kim T1 và ông Phan Anh T là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Anh T và bà Nguyễn Thị Kim T1 thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông T và bà T1 khai có 02 con chung tên Phan Nguyễn Thành L (giới tính: nam), sinh ngày 15/7/2005 và Phan Nguyễn Ngọc T2 (giới tính: nữ), sinh ngày 27/11/2011. Ông bà thỏa thuận sau khi ly hôn, ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Về T sản chung: Bà T1 và ông T khai không có.

Về nợ chung: Bà T1 và ông T khai không có.

[3] Về lệ phí thuận tình ly hôn: Lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Phan Anh T và bà Nguyễn Thị Kim T1 T phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phan Anh T và bà Nguyễn Thị Kim T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Anh T và bà Nguyễn Thị Kim T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông T và bà T1 có 02 con chung tên tên Phan Nguyễn Thành L (giới tính: nam), sinh ngày 15/7/2005 và Phan Nguyễn Ngọc T2 (giới tính: nữ), sinh ngày 27/11/2011. Ông bà thỏa thuận sau khi ly hôn, ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về T sản chung: Ông T và bà T1 khai không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T1 và ông T khai không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí thuận tình ly hôn: Ông Phan Anh T và bà Nguyễn Thị Kim T1 phải chịu lệ phí thuận tình ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được tính vào tạm ứng lệ phí do ông Phan Anh T và bà Nguyễn Thị Kim T1 đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0032469 ngày 08/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- UBND P.9, Q.Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh (Ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy CNKH số 56/2004 ngày 20/4/2004).
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU)

Nguyễn Hiếu Thuận